

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2026

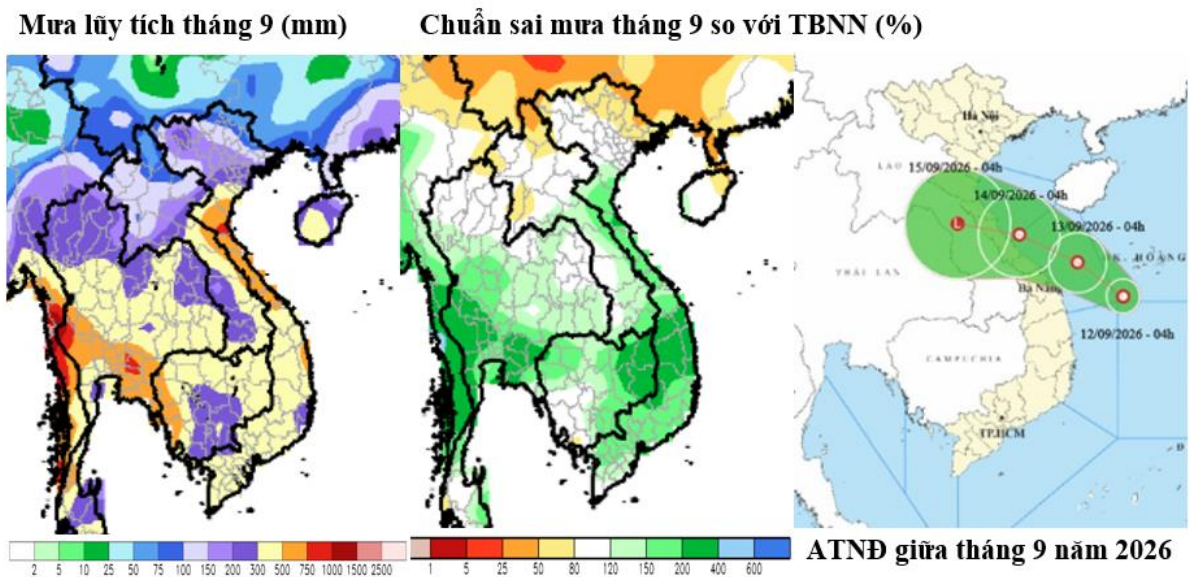
BẢN TIN DỰ BÁO THÁNG 10

Nhiệm vụ: Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng vùng Đồng bằng sông Cửu Long mùa lũ năm 2026

I DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SẢN XUẤT ĐẾN NGÀY 30/9/2026

1.1 Diễn biến mưa, bão

Trong tháng 9 năm 2026, mưa xảy ra ở mức khá cao trên lưu vực hạ sông Mê Công do tác động của gió mùa Tây Nam và ATNĐ trên biển Đông. Lượng mưa phổ biến từ 200 – 500 mm, một số nơi trên 500 mm, chỉ riêng khu vực Thượng Lào lượng mưa thấp hơn phổ biến dưới 150 mm, [xem Hình 1].

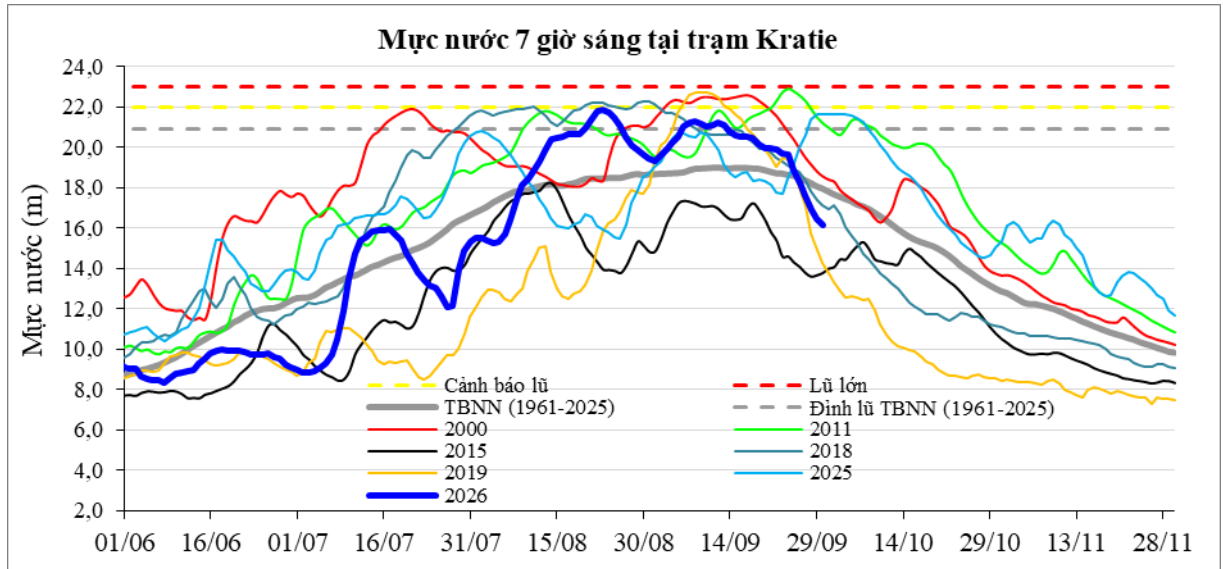


Hình 1. Mưa lũy tích tháng 9 năm 2026 và đường đi của cơn bão số 4 trên biển Đông

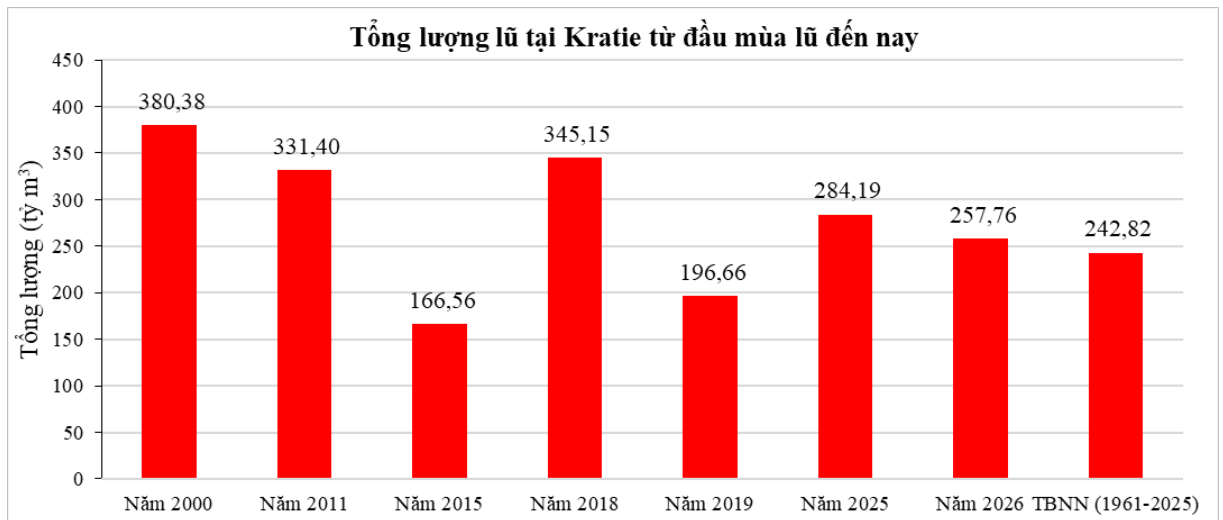
1.2 Diễn biến mực nước, tổng lượng lũ tại Kratie

Theo số liệu của Ủy hội sông Mê Công Quốc tế cho thấy, Mực nước có xu thế tăng mạnh từ đầu tháng 9 đến ngày 8/9/2026 với cường suất trung bình 28,5 cm/ngày và đạt đỉnh cao nhất tháng 9 ở mức 21,31 m (cao hơn đỉnh lũ TBNN 0,39 m, thấp hơn đỉnh lũ năm 2025 0,35 m, thấp hơn đỉnh lũ cao nhất năm vào tháng 8/2026 là 0,57 m). Mực nước sau đó có xu thế giảm đến nay với cường suất trung

bình 23,4 cm/ngày và giảm mạnh nhất trong tuần cuối tuần cuối tháng 9 với cường suất trung bình 57,8 cm/ngày. Đến ngày 30/9/2026, mực nước lúc 7 giờ đo được tại Kratie là 16,15 m; so với cùng kỳ: thấp hơn khá nhiều TBNN (1961-2025); thấp hơn nhiều 2025; chỉ cao hơn năm 2019 và 2015. Tổng lượng lũ từ ngày 01/6 đến 30/9/2026 tại Kratie đạt 256,67 tỷ m³. So với cùng kỳ: lớn hơn trung bình nhiều năm (TBNN (1961-2025)) khoảng 6%; nhỏ hơn năm 2025 khoảng 9%; nhỏ hơn khá nhiều các năm 2018, 2011 và 2000; nhưng lớn hơn nhiều các năm 2019 và 2015, [xem Hình 2 và Hình 3].



Hình 2. Diễn biến mực nước lúc 7 giờ sáng tại Kratie đến ngày 30/9/2026



Hình 3. Tổng lượng lũ tại Kratie từ 01/6 đến ngày 30/9/2026

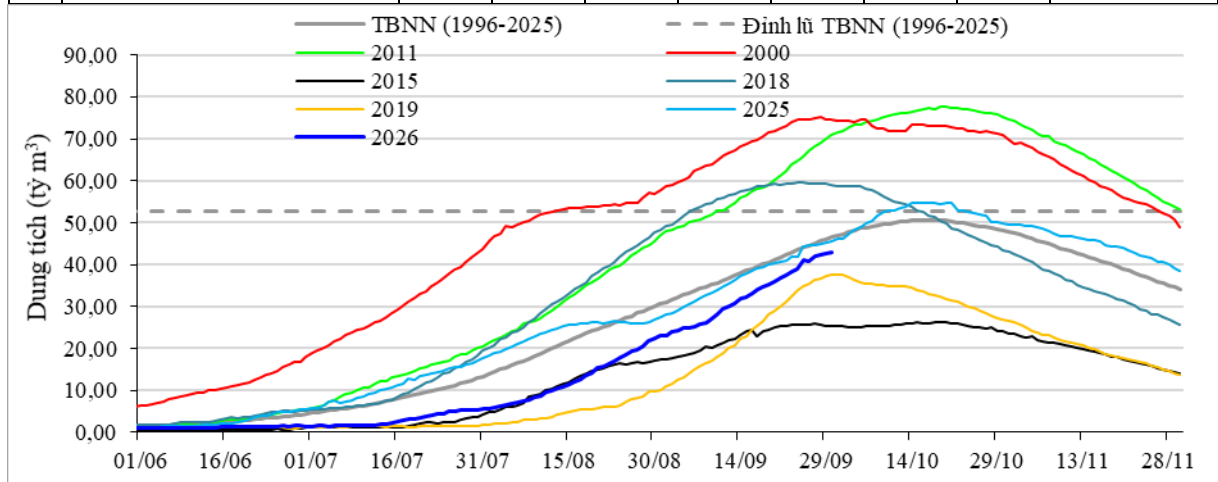
1.3 Diễn biến dung tích Biển Hồ

Diễn biến dung tích biển hồ Tonle Sap (Campuchia) trong tháng 9 năm 2026 có xu thế tăng khá mạnh với cường suất trung bình 0,68 tỷ m³/ngày. Đến ngày 30/9/2026 dung tích đạt 42,96 tỷ m³. So với cùng kỳ: thấp hơn nhiều TBNN (1996-2025) khoảng 8%; thấp hơn năm 2025 khoảng 6%; thấp hơn khá nhiều năm

2000 và 2011; chỉ cao hơn khá nhiều các năm 2019 và năm 2015, [xem Bảng 1 và Hình 4].

Bảng 1. Mức nước, và dung tích biển hồ Tonle Sap đến ngày 30/9/2026 so với so với cùng kỳ các năm điển hình

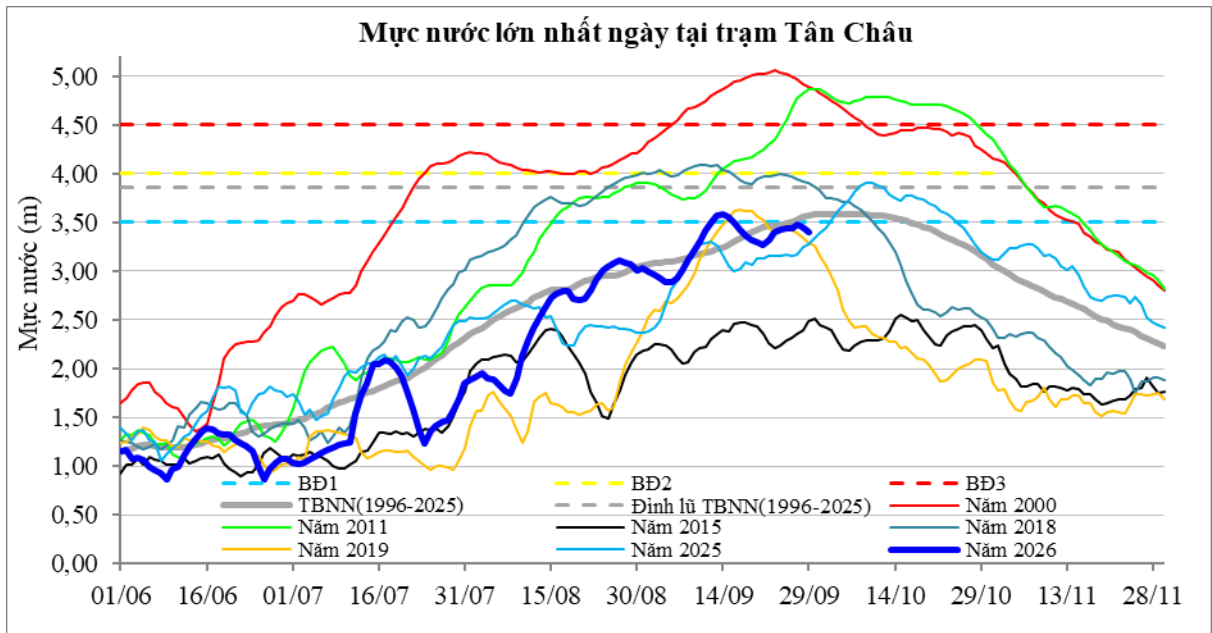
TT	Đặc trưng mực nước & dung tích	Mức nước và dung tích Biển Hồ							
		2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	TBNN (1996-2025)
1	Mức nước (m)	7,72	7,98	7,19	9,12	5,85	10,06	10,32	8,07
	So sánh cùng kỳ các năm		-0,26	0,53	-1,40	1,87	-2,34	-2,60	-0,35
2	Dung tích (tỷ m ³)	42,96	45,65	37,48	58,93	25,23	71,00	74,60	46,55
	So sánh cùng kỳ các năm		-2,69	5,48	-15,97	17,73	-28,04	-31,64	-3,59



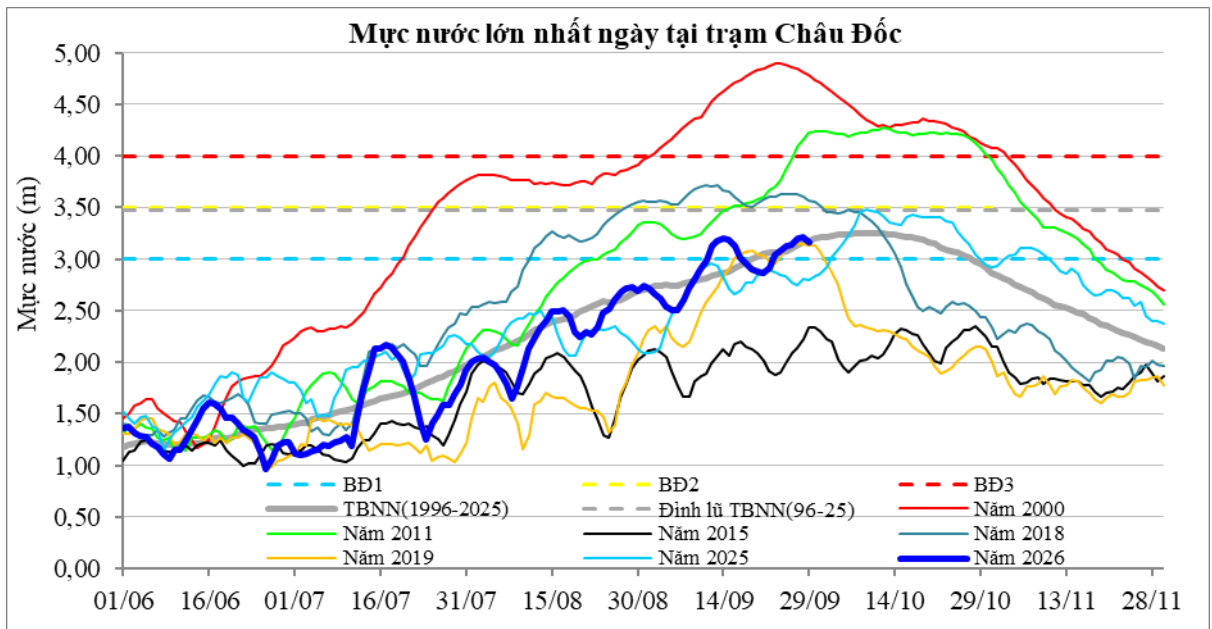
Hình 4. Diễn biến dung tích biển hồ Tonle Sap đến ngày 30/9/2026

1.4 Diễn biến mực nước đầu nguồn sông Cửu Long

Tại khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại trạm Tân Châu và Châu Đốc, mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả nước thượng nguồn và thủy triều. Mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả nước thượng nguồn và thủy triều. Mực nước tăng mạnh trong 2 kỳ triều cường giữa tháng 9 và cuối tháng 9 và đạt cao nhất tại Tân Châu từ đầu mùa lũ đến nay ở mức 3,58 m vào ngày 14/9/2026. Tại Châu Đốc đỉnh lũ cao nhất từ đầu mùa lũ đến nay ở mức 3,21 m vào ngày 28/9/2026. Nếu không có gì bất thường về điều kiện thời tiết thì nhiều khả năng đây là đỉnh lũ của năm 2026. So sánh cùng kỳ: thấp hơn đỉnh lũ TBNN 0,28 m và thấp hơn đỉnh lũ năm 2025 0,33 m tại Tân Châu, thấp hơn đỉnh lũ TBNN 0,26 m và thấp hơn đỉnh lũ năm 2025 0,27 m tại Châu Đốc. Mực nước hiện giảm xuống tại Tân Châu đạt 2,4 m, tại Châu Đốc 3,16 m vào ngày 29/9/2026, [xem Hình 5 và Hình 6].



Hình 5. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Tân Châu đến ngày 29/9/2026



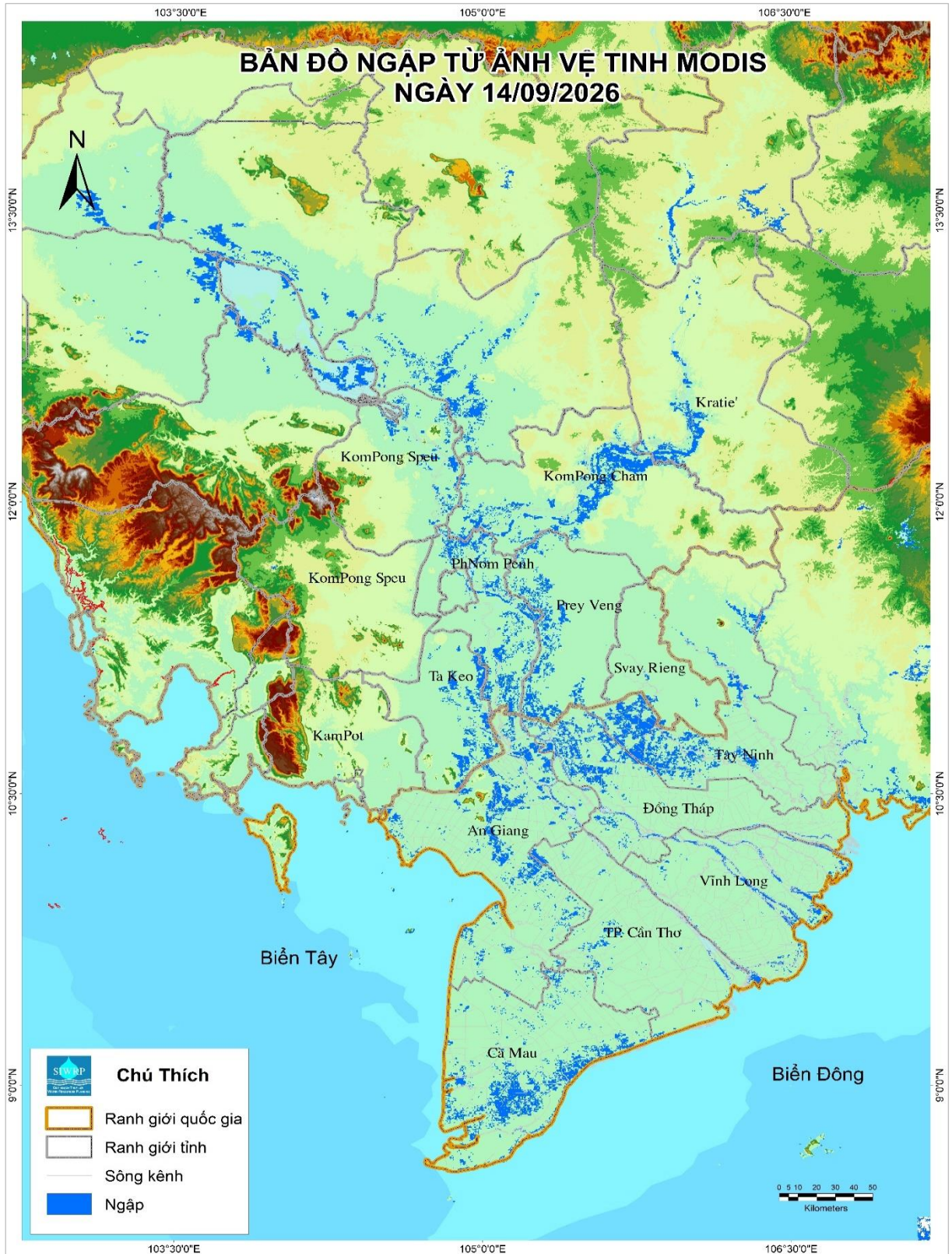
Hình 6. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Châu Đốc đến ngày 29/9/2026

Mực nước nội đồng vùng ĐBSCL trong tháng 9 ở mức khá cao do lũ chính vụ kết hợp triều cường, đỉnh mực nước đạt vào 2 thời kỳ triều cường giữa tháng 9 và cuối tháng 9, phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025. So với cấp báo động lũ, vùng Thượng đỉnh lũ biến đổi từ BĐI-BĐII, một số trạm trên BĐII, riêng trạm Long Xuyên mực nước vượt BĐIII 0,24 m. Vùng Giữa mực nước phổ biến vượt BĐIII từ 0,05 – 0,20 m, riêng trạm Cần Thơ và Mỹ Thuận mực nước vượt BĐIII từ 0,23 – 0,28; vùng Ven Biển mực nước phổ biến từ BĐI-BĐII và trên BĐII. Chỉ riêng trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) mực nước trên BĐIII. Lũ kết hợp triều cường ở mức cao đã làm ngập úng nhiều khu dân cư, làm tràn/vỡ một số ô, tuyến bờ bao sản xuất trên vùng vùng ĐBSCL, đặc biệt trên vùng Giữa ĐBSCL.

1.5 Tình hình ngập úng, thiệt hại do mưa, lũ, triều cường

Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh MODIS ngày 14/09/2026 cho thấy, trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công đã xảy ra ngập nhiều nơi trên các khu vực trũng thấp ven sông thuộc 2 tỉnh Prey Veng và Takeo của Campuchia. Vùng ĐBSCL đã xảy ra ngập trên diện rộng thuộc vùng Thượng ĐBSCL, ngập chủ yếu trên khu vực ô bao kiểm soát lũ tháng 8 đã thu hoạch xong lúa Hè Thu và các ô kiểm soát lũ cả năm (không sản xuất vụ Thu Đông chủ động xả lũ).

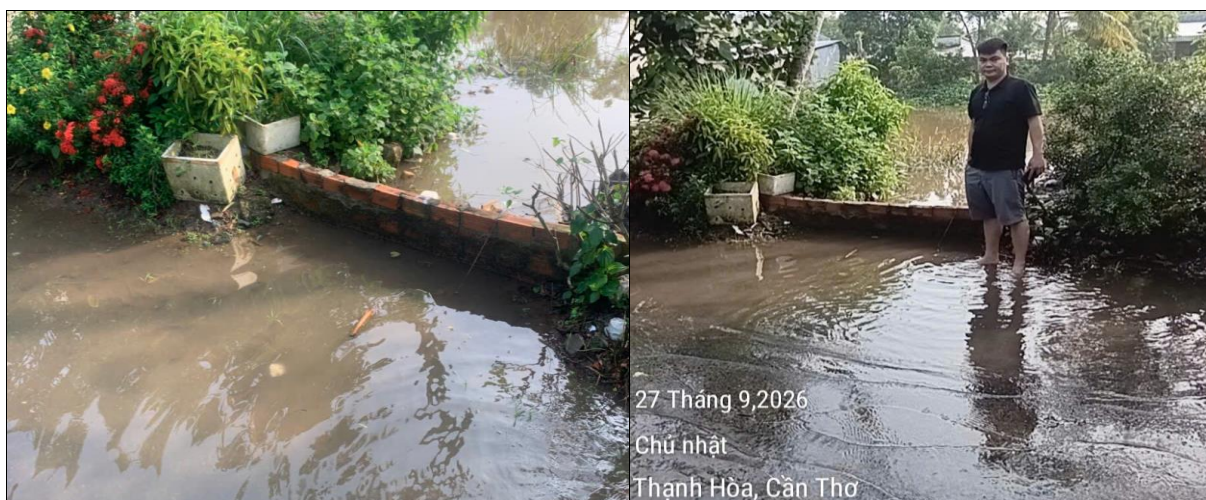
Một số khu vực thuộc các tỉnh Cà Mau, An Giang, Vĩnh Long xuất hiện các điểm ngập nước là do nuôi trồng thủy sản ở các khu vực ven biển, [xem Hình 7].



Hình 7. Bản đồ ngập từ ảnh vệ tinh MODIS chụp ngày 14/9/2026

Tuy chưa có số liệu thống kê thiệt hại cụ thể, nhưng theo thông tin từ báo đài và thông tin từ đơn vị thực hiện nhiệm vụ tổ chức đi đo đạc kiểm tra các ô bao bảo vệ sản xuất có nguy cơ cao bị mất an toàn bởi lũ và triều cường cho thấy, lũ chính vụ kết hợp triều cường giữa tháng 9 và cuối tháng 9 làm mực nước nội đồng dâng cao đã làm ngập úng nhiều khu vực dân sinh, làm vỡ/tràn một số ô bao bảo

vệ sản xuất trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó chủ yếu là các tỉnh vùng Giữa ĐBSCL.



Hình 8. Hình ảnh tràn bờ bao thuộc ô bao Khu vực 5 (mã PH025), thuộc xã Thanh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (cũ) trong kỳ triều cường cuối tháng 9 do cán bộ đoàn công tác của Viện chụp lại vào lúc 8h00 ngày 27/9/2026

1.6 Diễn biến sản xuất nông nghiệp

Năm 2026, kế hoạch xuống giống vụ lúa Hè Thu trên ĐBSCL là 1.472.822 ha, xấp xỉ diện tích xuống giống năm 2025. Ngày 24/7/2026, vùng ĐBSCL đã kết thúc xuống giống với diện tích 1.466.057 ha (đạt 99,5% so với kế hoạch), trong đó TP. Cần Thơ và tỉnh Cà Mau có diện tích xuống giống vượt kế hoạch. Đến nay diện tích đã thu hoạch trên toàn đồng bằng khoảng 1.326.888 ha (đạt 91% so với diện tích xuống giống).

Kế hoạch xuống giống vụ lúa Thu Đông năm 2026 là 763.601 ha (bao gồm cả phần diện tích ngoài vùng ĐBSCL của tỉnh Tây Ninh do chưa tách riêng được phần sản xuất lúa thuộc vùng ĐBSCL). Hiện tại đã xuống giống được 512.688 ha (tương đương 67% so với kế hoạch). Tại Cà Mau, diện tích xuống giống còn khá ít, nhưng ở một số tỉnh như Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long đã thực hiện thu hoạch được khoảng 33.422 ha, đạt 12% diện tích xuống giống của cả đồng bằng và khoảng 1/3 diện tích xuống giống tại các tỉnh Tây Ninh và Đồng Tháp, [xem Bảng 2].

Bảng 2. Diễn biến sản xuất vụ lúa Hè Thu và Thu Đông đến ngày 25/9/2026

TT	Địa phương	Vụ Hè Thu (ha)			Vụ Thu Đông (ha)		
		Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch
1	Tây Ninh*	267.120	257.696	9.423	124.500	61.297	23.503
2	Đồng Tháp	216.381	208.736	7.646	149.500	123.825	42.136

TT	Địa phương	Vụ Hè Thu (ha)			Vụ Thu Đông (ha)		
		Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch
3	Vĩnh Long	104.697	86.404	18.293	109.600	50.472	57
4	An Giang	499.700	417.875	81.825	247.700	175.378	-
5	Cần Thơ	284.022	284.022	-	98.250	99.764	-
6	Cà Mau	94.137	72.154	21.983	34.051	1.952	-
Tổng		1.466.057	1.326.888	139.169	763.601	512.688	65.696

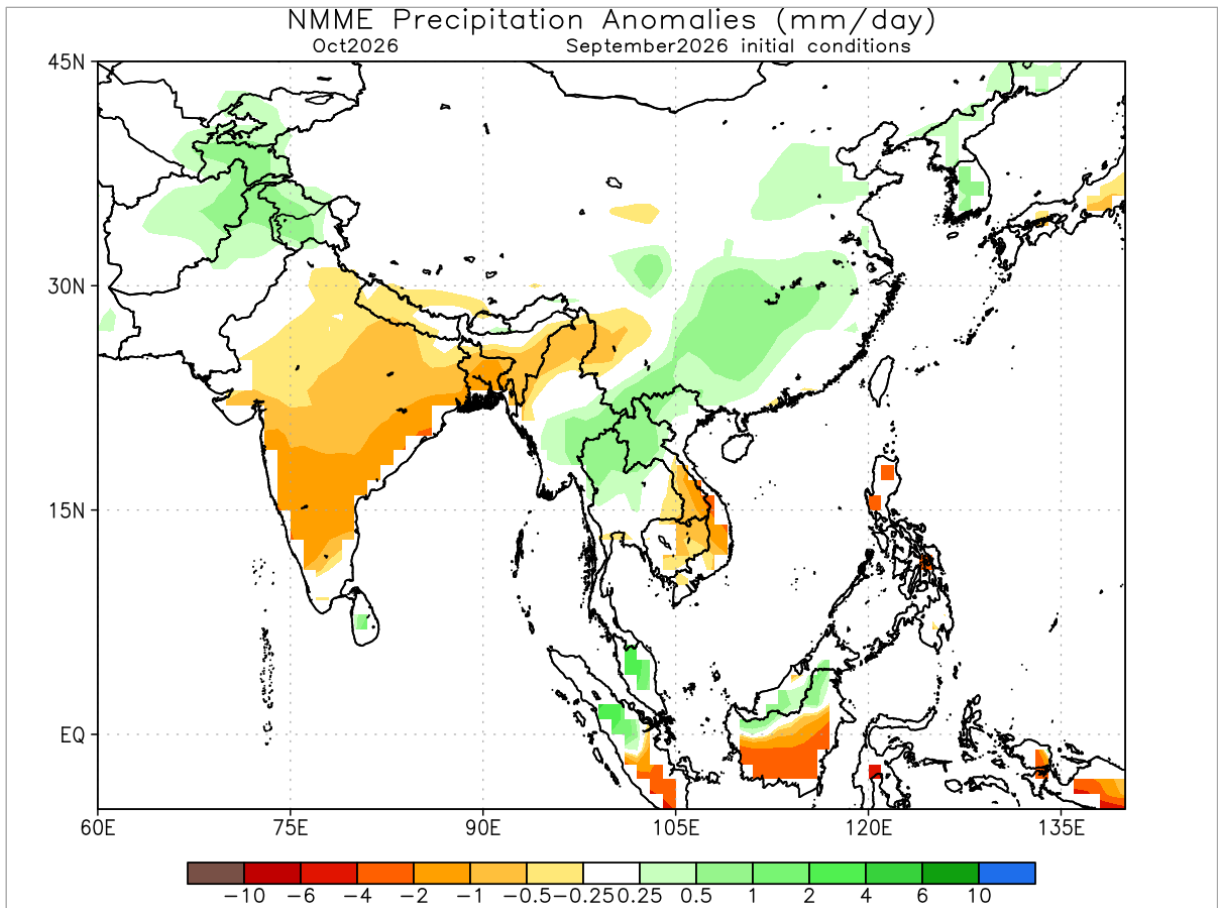
* Diện tích sản xuất của cả tỉnh Tây Ninh sau sáp nhập

Nguồn: Cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật

II NHẬN ĐỊNH LŨ THÁNG 10 VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN SẢN XUẤT

2.1 Mưa dự báo tháng 10 năm 2026

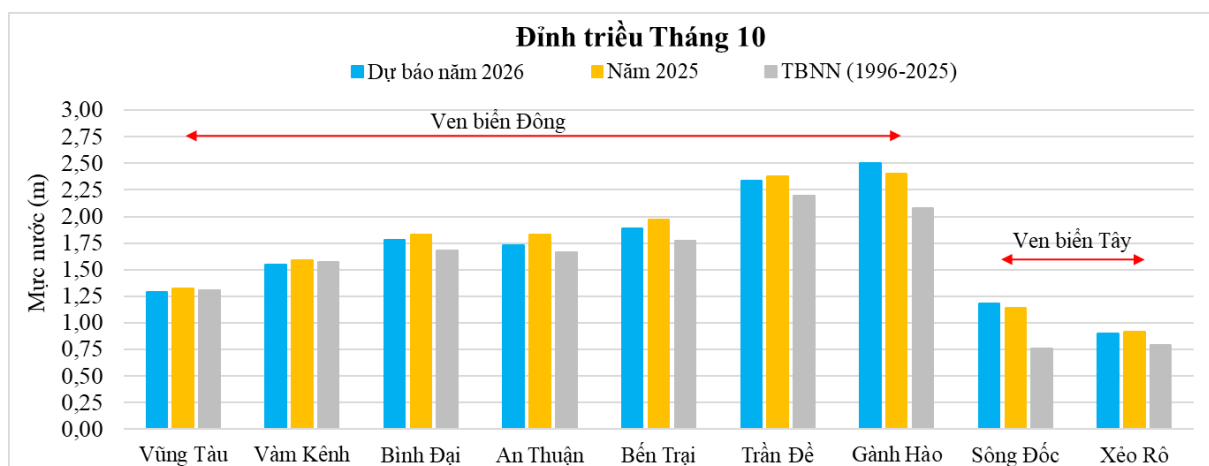
Theo kết quả dự báo của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA) cho thấy: Chuẩn sai mưa dự báo trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công trong tháng 10 năm 2026 phổ biến xấp xỉ và thấp hơn TBNN, với chuẩn sai âm biến đổi từ 0,25 – 2 mm/ngày. Chỉ riêng khu vực Thượng Lào và Tây Bắc Thái Lan mưa dự báo phổ biến cao hơn TBNN, với chuẩn sai dương biến đổi từ 0,25 – 1 mm/ngày, [xem Hình 9].



Hình 9. Dự báo chuẩn sai mưa tháng 10 năm 2026 so với TBNN

2.2 Triều dự báo tháng 10 năm 2026

Theo kết quả dự báo triều của viện Kỹ thuật Biển, đỉnh triều dự báo tháng 9 năm 2026 phổ biến cao hơn TBNN (1996-2025) nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, cao hơn TBNN (1996-2025) bình quân khoảng 0,15 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông cao hơn 0,12 m, khu vực các trạm ven biển Tây cao hơn 0,27 m. Thấp hơn năm 2025 bình quân khoảng 0,02 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông thấp hơn 0,03 m, khu vực các trạm ven biển Tây xấp xỉ và thấp hơn không nhiều năm 2025, [xem Hình 10].



Hình 10. Mức nước dự báo Max tháng 10 năm 2026 và cùng kỳ các năm

Trong tháng 10 năm 2026 có 2 đợt triều cường. Đợt 1 đỉnh rơi vào các ngày giữa tháng, đợt 2 đỉnh rơi vào các ngày cuối tháng là đỉnh cao nhất tháng 10, cao hơn khá nhiều so với đợt 1. Đỉnh triều trước đó rơi vào 28/9, tuy nhiên đến 01/10 dự báo mực nước giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao, nhiều trạm dự báo cao hơn đỉnh triều đợt 1 tháng 10, [xem Bảng 3].

Bảng 3. Đặc trưng mực nước triều dự báo tháng 10 năm 2026

TT	Trạm	Đỉnh triều đợt 1 (m)	Ngày đạt	Đỉnh triều đợt 2 (m)	Ngày đạt
1	Vũng Tàu	1,09	12/10	1,29	27/10
2	Vàm Kênh	1,35	11/10	1,55	28/10
3	Bình Đại	1,56	11/10	1,78	28/10
4	An Thuận	1,51	11/10	1,73	28/10
5	Bến Trại	1,63	11/10	1,89	29/10
6	Trần Đề	2,00	12/10	2,34	29/10
7	Gành Hào	2,17	10/10	2,50	30/10
8	Sông Đốc	1,00	16/10	1,18	30/10
9	Xẻo Rô	0,70	14/10	0,90	30/10

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

2.3 Nhận định diễn biến lũ tháng 10 năm 2026

Lũ đầu nguồn sông Cửu Long:

Lũ đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc nhiều khả năng đã đạt đỉnh lũ chính vụ năm 2026 vào tháng 9. Mức nước dự báo lớn nhất trong tháng 10 sẽ thấp hơn so với đỉnh lũ tháng 9. Cụ thể, tại trạm Tân Châu dự báo đạt khoảng 3,33 m vào 01/10. So sánh cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2025) khoảng từ 0,46 m; thấp hơn năm 2025 khoảng 0,58 m. Tại trạm Châu Đốc dự báo đạt khoảng 3,12 m vào 01/10. So sánh cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2025) khoảng từ 0,33 m; thấp hơn năm 2025 khoảng 0,36 m.

Lũ nội đồng:

Lũ nội đồng vùng ĐBSCL trong tháng 10 năm 2026: Đỉnh lũ cao nhất tháng 10 được dự báo thấp hơn đỉnh lũ tháng 9 trên vùng Thượng, nhưng xấp xỉ và cao hơn tháng 9 trên vùng Giữa và Ven Biển ĐBSCL, thấp hơn khá nhiều cùng kỳ năm 2025, thấp hơn đỉnh lũ cùng kỳ TBNN trên vùng Thượng, xấp xỉ và cao hơn đỉnh lũ TBNN trên vùng Giữa và Ven Biển ĐBSCL. Cụ thể như sau:

+ Vùng Thượng mực nước đỉnh lũ tháng 10 năm 2026 phổ biến xấp xỉ BĐI, một số trạm trên BĐII, riêng trạm Long Xuyên mực nước trên BĐIII, mực nước các trạm thấp hơn khá nhiều cùng kỳ năm 2025 và TBNN, thấp hơn tháng 9 năm 2026;

+ Vùng Giữa mực nước cao nhất tháng 10 năm 2026 biến đổi phổ biến trên mức BĐIII, một số trạm dưới mức BĐIII, phổ biến xấp xỉ và cao hơn TBNN, nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2025, xấp xỉ và cao hơn tháng 9 năm 2026;

+ Vùng Ven Biển mực nước cao nhất tháng 10 năm 2026 biến đổi phổ biến ở mức BĐII - BĐIII một số trạm trên BĐIII, phổ biến xấp xỉ và cao hơn TBNN, nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2025, xấp xỉ và cao hơn tháng 9 năm 2026;

Với mức lũ như dự báo, nguy cơ cao ngập úng sẽ xảy ra trên vùng Giữa và vùng Ven Biển ĐBSCL và một số khu vực ven sông chính trên vùng Thượng, đặc biệt trong kỳ triều cường cuối tháng 10 năm 2026, [xem Bảng 4 và Hình 11].

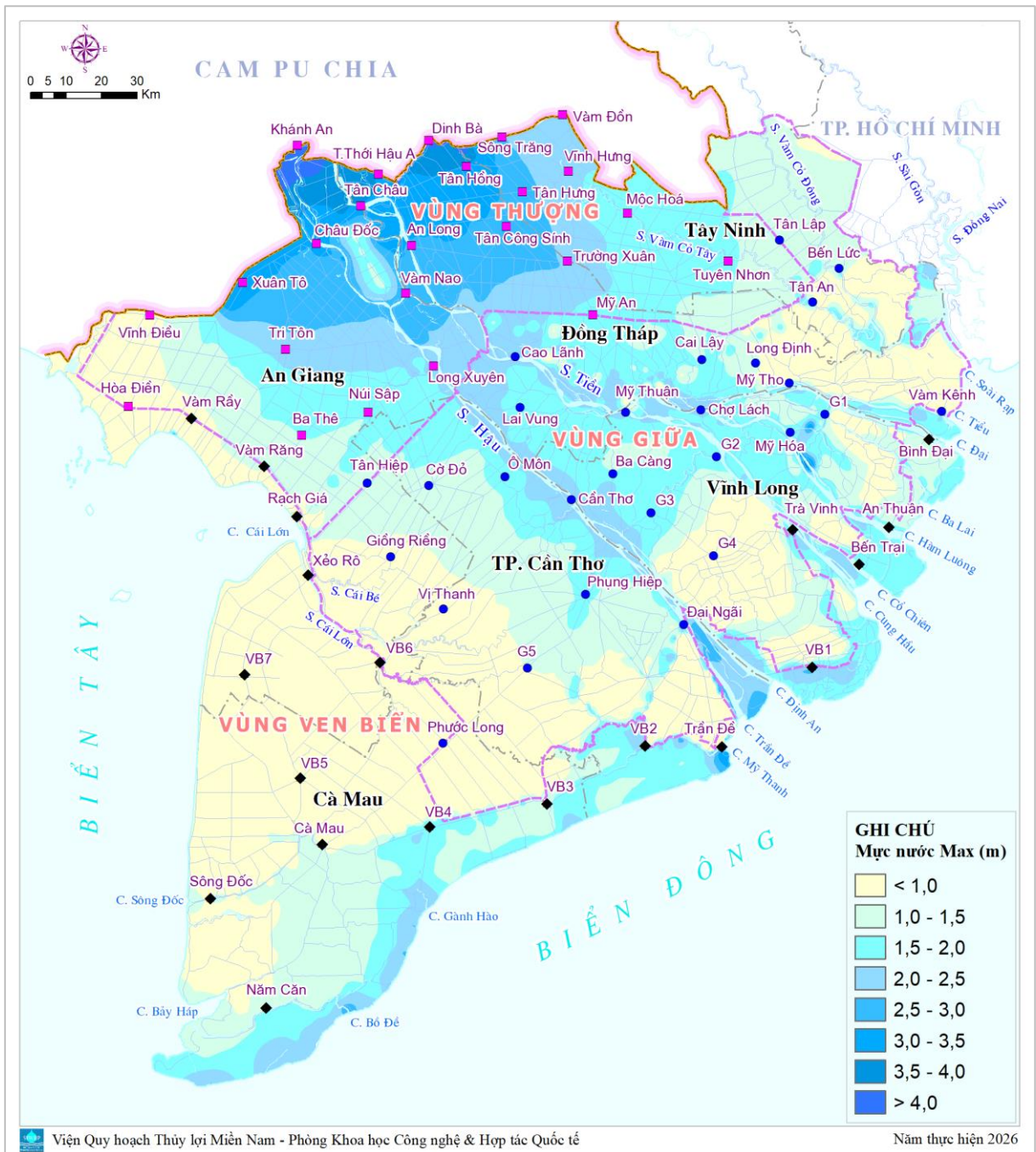
Bảng 4. Mực nước max dự báo tháng 10 năm 2026

TT	Tên trạm	Tỉnh	Sông/kênh	Hmax tháng 10		
				TBNN (1996-2025)	Thực đo 2025	Dự báo 2026
I	Dòng chính ĐBSCL					
1	Tân Châu	An Giang	S. Tiền	3,79	3,91	3,33
2	Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	3,45	3,48	3,12
3	Cần Thơ	Cần Thơ	S. Hậu	2,00	2,33	2,20
4	Mỹ Thuận	Vĩnh Long	S. Tiền	1,88	2,26	2,15

TT	Tên trạm	Tỉnh	Sông/kênh	Hmax tháng 10		
				TBNN (1996-2025)	Thực đo 2025	Dự báo 2026
II	Vùng Thượng ĐBSCL					
1	Sông Trăng	Tây Ninh	K. Sông Trăng	-	3,37	2,55
2	Vàm Đồn	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	-	3,12	2,16
3	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	-	2,97	2,73
4	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	-	2,88	2,17
5	Mộc Hoá	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,95	2,17	1,86
6	Tuyên Nhơn	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,41	1,49	1,59
7	T. Thới Hậu A	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	-	4,65	3,38
8	Dinh Bà	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	-	4,25	4,01
9	Tân Hồng	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	-	3,52	3,50
10	Tân Công Sính	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	-	-	3,04
11	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	-	3,53	2,96
12	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,34	2,63	2,26
13	Mỹ An	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	-	2,19	1,89
14	Xuân Tô	An Giang	K. Vĩnh Tế	3,35	3,63	3,19
15	Khánh An	An Giang	S. Bình Ghi	-	4,89	4,31
16	Tri Tôn (Cầu 13)	An Giang	K. Tri Tôn	2,23	2,42	2,05
17	Vàm Nao	An Giang	S. Vàm Nao	2,98	3,21	2,72
18	Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,46	2,87	2,65
19	Núi Sập	An Giang	K. RG - Long Xuyên	-	2,13	1,75
20	Vĩnh Điều	An Giang	K. Vĩnh Tế	-	2,24	1,57
21	Hòa Điền	An Giang	K. RG - Hà Tiên	-	-	0,66
22	Ba Thê	An Giang	K. Ba Thê	-	-	1,83
III	Vùng Giữa ĐBSCL					
1	Tân Lập	Tây Ninh	K. Bo Bo	-	1,59	1,32
2	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,44	1,65	1,46
3	Tân An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,52	1,85	1,54
4	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,63	1,96	1,49
5	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,33	1,59	1,14
6	Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,69	1,96	1,82
7	Vàm Kênh	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,57	1,59	1,55
8	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,84	2,16	2,03
9	Mỹ Hóa	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,64	1,89	1,84
10	G1	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	-	-	1,69
11	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	2,29	2,68	2,17
12	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	-	2,34	1,87
13	Ba Càng	Vĩnh Long	S. Ba Càng	-	1,69	1,66
14	G2	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	-	1,91
15	G3	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	-	1,86
16	G4	Vĩnh Long	S. An Trường	-	-	0,75

TT	Tên trạm	Tỉnh	Sông/kênh	Hmax tháng 10		
				TBNN (1996-2025)	Thực đo 2025	Dự báo 2026
17	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	1,21	1,29	1,15
18	Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	-	-	1,76
19	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	-	1,60	1,31
20	Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,69	1,01	0,86
21	Phụng Hiệp	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,40	1,84	1,88
22	Đại Ngãi	Cần Thơ	S. Hậu	1,99	2,10	2,26
23	G5	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	-	-	0,97
24	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	0,70	1,20	1,15
25	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	-	-	1,05
IV	Vùng Ven Biển ĐBSCL					
1	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,68	1,83	1,78
2	An Thuận	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,66	1,84	1,73
3	Bến Trại	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,77	1,97	1,89
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,77	2,18	1,91
5	VB1	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	-	-	2,17
6	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	2,20	2,38	2,34
7	VB2	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	-	-	1,80
8	VB4	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	-	-	1,86
9	VB3	Cà Mau	S. Bạc Liêu	-	-	1,38
10	Cà Mau	Cà Mau	S. Gành Hào	0,79	1,21	1,12
11	Năm Căn	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,44	1,71	1,48
12	Sông Đốc	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,76	1,17	1,18
13	VB5	Cà Mau	S. Trẹm	-	-	0,64
14	Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,81	0,85	0,80
15	Xẻo Rô	An Giang	S. Cái Lớn	0,79	0,93	0,90
16	Vàm Răng	An Giang	K. RG - Hà Tiên	-	1,14	1,06
17	Vàm Rầy	An Giang	K. HT - Rạch Giá	-	1,31	1,10
18	VB7	An Giang	K. Cán Gáo	-	-	0,75
19	VB6	An Giang	S. Cái Lớn	-	-	0,79

Ghi chú: -) Không có số liệu



Hình 11. Bản đồ đẳng mức nước max dự báo tháng 10 năm 2026



Hình 12. Bản đồ vị trí các trạm dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL năm 2026

2.4 Đánh giá khả năng đáp ứng của hạ tầng thủy lợi và đề xuất các giải pháp khắc phục và giảm thiểu thiệt hại

2.4.1 Đánh giá khả năng đáp ứng của hạ tầng thủy lợi

Mức nước lớn nhất tháng 10 năm 2026 dự báo chỉ đạt khoảng 3,33 m tại Tân Châu vào thời kỳ đầu tháng, thời gian này vụ Hè Thu trên các khu vực chịu ảnh hưởng bởi lũ dự kiến sẽ thu hoạch dứt điểm 100% diện tích xuống giống nên hầu hết không bị ảnh hưởng. Với mức lũ này, hệ thống ô bao bờ bao bảo vệ sản xuất vụ Thu Đông và Đông Xuân trên vùng ĐBSCL đều đảm bảo an toàn. Chỉ riêng một số khu vực có địa hình thấp trũng thuộc vùng Giữa và vùng Ven Biển ĐBSCL

có nguy cơ cao sẽ xảy ra ngập úng cục bộ do mưa lớn, mưa lớn kết hợp triều cường và lũ đầu nguồn.

2.4.2 Đề xuất các giải pháp phòng chống, khắc phục và giảm thiểu thiệt hại

Với kết quả đánh giá nguy cơ ảnh hưởng đến sản xuất như trên. Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam kiến nghị các địa phương cần lưu ý một số điểm sau để phòng chống, khắc phục và giảm thiểu thiệt hại:

- Chỉ xuống giống vụ Thu Đông và vụ Đông Xuân sớm ở các vùng có ô bao triệt để, không xuống giống ở các khu vực có ô bao không đảm bảo cao trình;

- Đối với các khu vực có địa hình thấp như khu vực trung tâm các huyện/thành phố thuộc tỉnh Cà Mau cũ, các khu vực sản xuất và khu dân cư có địa hình trũng thấp nằm sâu bên trong nội đồng thuộc tiểu vùng thủy lợi Bắc Cà Mau, HTTL Cái Lớn – Cái Bé, HTTL Quản Lộ - Phụng Hiệp thuộc địa phận các tỉnh An Giang (riêng tỉnh Kiên Giang cũ), Cà Mau (gồm tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu cũ) và TP. Cần Thơ (gồm tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng cũ) cần theo dõi chặt chẽ dự báo mưa và diễn biến thủy triều để có phương án vận hành tiêu thoát nước kịp thời và chuẩn bị các phương án bơm tiêu nước khi xảy ra ngập úng.

III KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Lũ đầu nguồn sông Cửu Long nhiều khả năng đã qua thời kỳ đỉnh lũ chính vụ năm 2026, hiện nay đã giảm xuống. Nhận định lũ tháng 10 năm 2026 ở mức thấp hơn mức lũ hiện nay, nên hầu như không ảnh hưởng đến sản xuất trên vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, mưa lớn kết hợp lũ đầu nguồn và triều cường nguy cơ cao xảy ra ngập úng cục bộ ở các khu vực có địa hình thấp trũng trên vùng Giữa và vùng Ven Biển ĐBSCL. Kiến nghị các địa phương thuộc vùng Giữa và Ven Biển ĐBSCL đặc biệt các khu vực có địa hình trũng thấp nằm sâu bên trong nội đồng cần chủ động các phương án ứng phó với tình trạng ngập úng nguy cơ cao sẽ xảy

ra trong tháng 10 năm 2026, đặc biệt trong kỳ triều cường cuối tháng 10 năm 2026.

Lũ thượng nguồn tại Kratie đang có xu thế xuống nhanh do lượng mưa phía thượng lưu giảm và có thể do tăng cường tích nước của các hồ chứa. Vì vậy, nguy cơ hạn mặn trong mùa khô 2026 – 2027 sẽ gia tăng nếu mực nước Kratie suy giảm nhanh. Kiến nghị các địa phương bố trí xuống giống vụ Đông Xuân hợp lý và tăng cường tích trữ nước nhiều nhất có thể.

Thời tiết diễn biến ngày càng bất thường, vì vậy các địa phương cần theo dõi chặt chẽ các thông tin dự báo từ các tổ chức như MRC, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam... để kịp thời xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh ĐBSCL;
- Chi cục Thủy lợi các tỉnh ĐBSCL;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc các tỉnh ĐBSCL;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG

Thông tin chi tiết liên hệ:

- | | | |
|-------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| - Chủ nhiệm dự báo: Nguyễn Huy Khôi | - DD: 0913.106.641; | Email: nhkhoihl@yahoo.com |
| - Dự báo viên: Trần Mạnh Thứ | - DD: 0967.161.808; | Email: manhthuwr@gmail.com |
| Trần Đức Đông | - DD: 0989.872.205; | Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn |